A14 ĐẠI DIỄN GIẢI (Mahāniddesapāḷi) - 14. Diễn Giải Kinh Một Cách Nhanh Chóng

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

ĐẠI DIỄN GIẢI 281

14. DIỄN GIẢI KINH MÔT CÁCH NHANH CHÓNG (TUVATAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh một cách nhanh ch6ng" được nói đến: 14.1. Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, Bậc Đại An sĩ vê sự viên ly và vị thê an tịnh. Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt, Không còn chấp thủ bát cứ cái gì ở thê gian? Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời. Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Cau hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điêu chưa thây. Câu hỏi để trao đỗi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác đinh, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhăm mục đích trao đổi cùng với các vi sáng suốt khác. Đây la câu hỏi để trao đổi điều đã thấy. Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bi rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: 'Thải chăng như vây là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì dây, là thê nào dây?" Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khiru hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-lỵ hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vi xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người. Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các

282 KINH TIÊU BÔ

a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vi Đại Thiên vương hỏi? các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân. Câu hỏi của vi [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bi khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vi [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu

hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vi lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phân, câu hỏi vê ngoại phân, câu hỏi vê nội phân và ngoại phân. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn CO ba loại cau hỏi khác nữa: Cau hỏi ve uân, cau hoi ve giới, câu nỏi vê xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi vê quyên, câu hỏi vê lực, câu hỏi vê giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "T6i hỏi Ngài" là như thế. Đấng Quyến Thuộc Của Mặt TrM: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyến thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyến thuộc của mặt trời. “T6i hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Tròd" là như thế. Bậc Đại Ẩn sĩ về sự viễn ly và vi thế an tịnh. Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh. Thế nào là viễn lỵ về thân? ở dây, vi Tỳ-khưu thân cận chỗ tru ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vi ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở vê một mình, ngôi nơi văng vẻ một minh, quyêt định kinh hành một mình, thực hành, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡiig một mình. Đay là viễn ly ve thân. Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt

khỏi các pháp che lấp. Đối với vi thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vi thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vi thể nhập Không vo biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ? tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận SỊT, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ân có tính chát thô thiên, và các phiên não cộng trú với môi pháp ây. Đôi với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiên não cộng trú với môi pháp ây. Đôi với vi A-la-hán, tâm được tách biêt khỏi ai sác, ai vo sác, ngã mạn, phong dạt, vo minh, ngã mạn tiêm ân, hữu ái tiêm ân5 vô minh tiêm ân, các phiên não cộng trú với môi pháp ây, và mọi , . . • -ị /XA ” hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viên ly vê tâm. Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái saiýi nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về

mầm tái sanh nói đến bất tử^Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trăng tuyệt đôi; và viên ly vê mâm tái sanh là đôi với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác. An tinh: Theo một khía cạnh, an tịnh và vị thê an tịnh cũng y như nhau, đều là bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: thế này là an tinh, vị thế này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa • ỉ r ĩ r r r s * r

đên việc chứng đăc sự an tinh, đưa đên việc chạm đên sự an tịnh, đưa đên việc chứng ngộ sự an tinh, như là: Bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là vị thế an tịnh, vị thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vi thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vi thế bất hoại, vi thế bất tư, vị thế Niết-bàn.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao, ...tuệ uẩn lớn lao, ... giải thoát uẩn lớn lao, ... giải thoát tri kiến uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tăm tối lớn lao, sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao, sự nhô lên mũi tên tham ái lớn lao, sự tháo tung môi roi răm tà kiên lớn lao, sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao, sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao, sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao, sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao, sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao, việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao, việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao, việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. tcVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao, ... các chánh cần lớn lao, ... các nên tảng của thân thông lớn lao,... các quyên lớn lao,... các lực lớn lao,... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao,... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao, ... chân lý tuyệt đối lớn lao, bất tử, Niết-bàn^ là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngmi ngự ở đâu?^, là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Bậc Đại Ẩn Sĩ về sự viễn ly và vi thế an tinh^, là như thế. Sau khi nhìn thấy như thế nào, vi Tỳ-khưu được tịch diệt? Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xét đoán, sau khi phân biệt, sau khi làm rõ rệt như thế nào mà [vị Tỳ-khưu] dập tắt luyến ái, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, dập tắt, làm an tịnh, làm yên tinh, làm vắng lặng, làm tịch tịnh *5 J Sự giận dữ, thù hăn5 gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê? xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản

thân? Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vi Tỳ-khưu là bậc Hữu học. “Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diet?” là như thế. Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ờ thế gian: Trong khi không chấp thủ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt đối với bốn thu^ ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. "Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng:

hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, x y ỉ Bậc Đại An Sĩ vê sự viên ly và vi thê an tịnh. Sau khỉ nhìn thấy như thế nào, vỉ Tỳ-khưu được tịch diệt, Không còn chấp thủ bất cứ cải gì ở thế gian?"

14.2. Đức Thế Tôn nói: '"Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là9nhờ vào tri tuệ. Bất cứ những tham ải nào thuộc nội phan đe loại trừ chủng, nên học tập, luôn luôn có niệm." Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn]t6i là5 nhờ vào trí tuệ: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng. Gốc rễ của vọng tưởng tham ái là điều nào? Vô minh là gốc rê, tác ý không đúng đường lôi là góc rê5 ngã mạn vê bản thân là góc rê, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tham ái. Gốc rễ của vọng tưởng tà kiến là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không dìing đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là góc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rê, phóng dật là góc rê; điêu này là góc rê của vọng tưởng tà kiên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vj có luyến ái đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vj có sân hận đã được phá vỡ,9 là đức Thế Tôn; “vj có si mê đã được phá vỡy là đức Thế Tôn; “vj có ngã mạn đã được phá v& là đức Thế Tôn; “vj có tà kiến đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vi có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá v" là đức Thế Tôn; đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo,9 là đức Thế Tôn; "vj thực hiện sự chấm dứt các hữu,, là đức Thế Tôn; có thân đã được tu táp" là đức Thế Tôn; có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu táp” là đức Thế Tôn; “vj đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh^ là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bênh” là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về vi của mục dích, về vị của pháp, vê vị của giải thoát, vê thăng giới, vê thăng tâm, vê thăng tue” là đức Thế Tôn; uvị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sác" là đức Thể Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, vê tám thăng xứ [của thiên], vê chín sự thê nhập và an trú theo tuân tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasỉụa. về định niệm hơi thở

vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; “vi có dự phần hoặc sở hữu về bốn Sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phn” là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về

bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế T6n" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề? tức là "dức Thế T6ïi." "Dức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng^, là như thế. Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] í6tôi làw nhờ vào trí tuệ. Trí tuệ: Được gọi là tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Tôi là: Ngã mạn "tôi ỉèC\ mong muốn "tôi là", sự tiềm ẩn "t6i là", ở sắc; ngã mạn "t6i là”, mong muốn "t6i là", sự tiềm ẩn "t6i 12” ở thọ;... ở tưởng;... ở các hành;... ở thức. "Bức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng" là như thế. Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] 6ítôi là” nhờ vào trí tuệ: Nen ngăn cản, nên chặn đứng, nên làm tịch diệt, nên làm vắng lặng, nên làm biến hoại, nên làm tịch tịnh toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và ngã mạn "t6i là^ nhờ vào trí tuệ. "Bức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng txrởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tue” là như thế. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần. Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "yd kãcV này là lối nói của sự bao gồm. Tham ái: Tham ái về cảnh sắc,... (nt)... tham ái về cảnh pháp. Nội phần: Tham ái ấy có sự sanh lên ở nội phần. "Nội phần,9 là như thế. Hoặc là, nội phần nói đến tâm5 tức là tâm, ý5 ý thức, trái tim, chất xám; ý? ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Tham ái ấy là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung mọt đoi tượng với tam. "Nội phan,, còn là như thế. “Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần,9 là như thế. Đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp noi liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn5 vào canh đau, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm

ở việc quan sát thân trên thân,...(nt).. trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với

niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái được an tinh, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ây được gọi là có niệm. Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắn^ tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? ở đây, vị Tỳ-khiru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pātimokkha), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi dầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vị Tỳ-khim ngay sau khi tách lỵ khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự văn̂ lặng của tâm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phân, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh len do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an tru xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bang thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: "C6 xả, có niệm, có sự tru vào l@c", đạt đến và tru thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biên mát của hỷ tâm và ưu phiên [đã có] ngay trước đó, đạt đên và trú thiên thứ tư, có sự thanh tinh của xả và niệm, không kho không lạc. Việc này là sự học tập về thắng tâm* Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở dây, vị Tỳ-khưu là vi có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, g6p phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đen việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vi ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng:

"Đây là kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ9\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận khổ,9, nhận biết đúng theo thực thể rằnẹ: "Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6”, nhận biết đúng theo thực the rằng: "Dây là các lậu hoặc^ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là nhân sanh các lậu hoặc^, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận các lậu hoāc9\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoác." Việc này là sự học tập về thắng tuệ. Đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có nỉệm: Nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh các tham ái

ấy. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trưng tâm thì nên học tập; trong khi nhận biêt bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biêt toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp can được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Bể loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm,, là như thế. Ã ĩ. • l 4 ĩ FTl-i _ . F-B-1 A _. .w Vì the, đức The Ton đa nói răng: Đức Thế Tôn nói: '"Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là 'nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm."

14.3. Bất cứ pháp [đức tỉnh] nào có thể biết rô Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác], Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng, Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt. Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]: Nên nhận biết bất cứ đức tính nào của bản thân, là các pháp thiện hay là các pháp vô ký. Các điều nào là đức tính của bản thân? Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá; hoặc là, ta được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia; hoặc là, ta có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; hoặc là, ta là vị chuyên về Kinh; hoặc là, ta có sự ghi nhớ về Luật; hoặc là, ta là vị thuyết Pháp; hoặc là, ta là vị ngụ ở rừng; hoặc là, ta là vi chuyên đi khất thực; hoặc là, ta là vị chỉ mặc y may bàng vải bị quăng bỏ; hoặc là, ta là vị chỉ sử dụng ba y; hoặc là, ta là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà; hoặc là, ta là vị không ăn vật thực dâng sau; hoặc là, ta là

vị chuyên về oai nghi ngồi (khôĩiệ nằm); hoặc là, ta là vi ngụ ở chỗ đã được chỉ đinh; hoặc là, ta là '"vi đạt Sơ thiMn" hoặc là, ta là "'vị đạt Nhị thiền" hoặc là, ta là "vị đạt Tam thiền"; hoặc là, ta là đạt Tứ thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt sự thể nhập Không vô biên xứ'; hoặc là, ta là "vi đạt sự thể nhạp Thức vô biên xư, ...sự the nhập Vô sở hữu xứ, ...sự the nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ"; các điều này là các đức tính của bản thân. Nên nhận biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt bất cứ đức tính nào của bản thân. "Bất cứ pháp (đức tính) nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]" là như thế. Hay là thuộc n^oại phân [nơi người khác]: Các đức tính ây là của vị thây tê độ hoặc của vị thây dạy học. "Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],, là như thế. Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng: Không nên thể hiện sự ngang tàng, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện vì đức tính của bản thân hoặc vì đức tính của những người khác, không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. "Không vì điều ấy mà thể hiện

sự ngang tầng" là như thế. Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt: Các bậc thiện nhân, các bậc an tinh, các bậc chân nhân, các vi Phật, các vị Thinh văn cua đức Phật, các vi Phật Độc Giác không nói, không phát biểu, khòng nêu ra, không chỉ bảo, không thông báo, không ấn định, không khai mở, không chia sẻ, không làm rõ? không bày tỏ rằng: "Biểu ấy là sự tịch diet." uBởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt,9 là như thế. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: “B&t cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác], Không vì điều ấy mà the hiện sự ngang tàng, Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt,"

14.4. Không nên vì việc ây mà nghĩ răng [bản thân] là tót hơn, Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương. Bị tác động bởi nhiều hình thức, Trong khỉ sắp xếp ve bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]. Không nên vì viec ấy mà nghi rằng [bản thân] là tốt hơn: Không nên sanh khởi cao ngạo răng: "Ta là tót hơn" vê xuât thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. "Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,, là như thế.

290 KINH TIỂU Bộ

Kém thua, hoặc thâm chí là tương đương: Không nên sanh khởi tự ti rằng: "Ta là thua kSm" vê xuất thân, vê dòng dõi,... (nt).. hoặc về sự việc này khác. Khônệ nên sanh khởi ngã mạn rằng: "Ta là ngang bằng,9 về xuất thân, về dòng dõi, vê con nhà gia the, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. "Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương,, là như thế. Bi tác động bởi nhiều hình thức: Bi tác động, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những kiêu cách theo nhiêu loại. “Bi tác động bởi nhiều hình thiìc" là như thế. Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]: Bản thân nói đến tự ngã. Trong khi sắp đặt, trong khi sắp xếp, trong khi đi đến việc sắp xếp về bản thân (như là: "Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu", V.V..), không nên dừng lại [ở điều ấy]. "Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]” là như thế. x Tỵ À A r- rTM- Ạ ÍTI \ _ g' r ! N _ Vì the, đức The Tôn đã noi răng: ^Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn, Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương. Bi tác động bởi nhiều hình thức, Trong khỉ sáp xép vê bản thân, không nên dừng lại [ở điêu ây].

14.5. Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm, Vi Tỳ-khim không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác, Đoi với vỉ đã được yên tinh ở nội tâm, Điều nam giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ? Nên làm yên tinh ngay ờ nội tâm: Nên làm yên lặng luyến ái, nên làm yên lăng sân hận; nên làm yên lặng si mê, nên làm yên lặng; nên làm yên tịnh, nên làm vắng lặng; nên làm tịch diệt, nên làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng binh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm. "Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,, là như thế. Vi Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tinh bằng [đạo lộ] khác: Không nên tìm

kiếm, không nên tìm tòi, không nên tầm cầu sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh bằng [đạo lộ] khác, bằng đạo lộ không trong sạch, bằng cách thực hành sai trái, bằng đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm; ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khấc" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 291

Đối với vị đã được yên tinh ờ nội tâm: Đối với vị đã được an tịnh luyến ái, đối với vi đã được an tịnh sân hận, đối với vị đã được an tịnh si mê,... (nt)... đôi với vi đã được an tịnh, đã được yên tịnh, đã được văng lặng, đã được tịch diệt, đã được tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm. "Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm" là như thế. Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được ròi bỏ? Không có: Là sự phủ định. Không có ngã kiến rằng: WCÓ tự ngã.w Không có đoạn kiến rằng: “Kh6ng có tự ngâL” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “C6 tự ngâL" Không có điều cần được giải thoát rằng: "Kh6ng có tự ngâL” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điêu cân được giải thoát thì người ây không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiên tu và thôi thát. Vị ây đã trải qua cuộc sông [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt).. việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Điều nắm giữ là không c6, từ đâu có điều được rời b6?” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Nên làm yên tinh ngay ở nội tâm, Vỉ Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tinh bằng [đạo lộ] khác, Đoi với vi đã được yên tịnh ở nội tâm, Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?"

14.6. Giống như ở phần giữa của biển cả Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra, y Tương tự như vây, nên trâm tĩnh, không dục vọng, Vị Tỳ-khtru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu. Giống như ờ phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra: Biển cả là sâu thẳm với độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Bốn vạn do-tuần ở phần dưới, nước rung động bởi các loài cá và rùa. Bốn vạn do-tuần ở phân trên, nước rung động bởi các cơn gió. Bôn ngàn do-tuân ở phân giữa, nước không rung động, không lay động, không dao động, không run ray, không chấn động, không rung động; biển cả là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bi quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. "Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra” là như vậy. Hoặc là, ở bên trong của bảy ngọn núi có bảy đại dương Sĩdantarã; tại nơi ấy nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không

1 Là 7 ngọn núi của dãy Hy-mã-lạp có tên theo thứ tự là Yùgandhara, Isadhara, Karavīkā, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna (xem DPPN). (ND)

chấn động, không rúng động; đại dương là không bị di động, không bị đụng chạm, không bi dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. "Giông như ở phân giữa của biên cả là đứng yên, sóng biên không được sanh ra" còn là như vậy. Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Trầm tĩnh: Là không rung động vì lợi lộc, không rung động vì không lợi lộc, không rung động vì danh vọng, không rung động vì không danh vọng, không rung động vì lời khen, không rung động vì lời chê, không rung động vì hạnh phúc, không rung động vì khổ đau, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Tương tự như vậy, nên trầm tinh" là như thế. Không dục vọng: Dục vọng nói đên tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm, tham, cội nguôn của bát thiện. Đôi với người nào dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ9 đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Người ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì kho đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Tương tự như vậy, nên trâm tĩnh, không dục vọng^, là như thê. Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ dâu. Kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo. Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra [thái độ] kiêu ngạo do luyến ải, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê9 kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi nào, ở một nơi nào đó, ở bên trong, hoặc ở bên ngoài, hoặc ở bên trong và bên ngoài. Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ dâu" là như thế. 'T T\ ji Á J rpl Á rp /\ w Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: r \ 9

^Giông như ở phân giữa của biên cả
Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên tram tĩnh, không dục vọng,
Vi Ty-khīm không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu. “
ĐẠI DIỄN GIẢI 293

14.7. Bậc có mắt được mở ra đã nói về Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiếm họa, Thưa Ngài Đại dức, xỉn Ngài hãy nói ve đường loi thực hành, Ve giới giải thoát và luôn cả ve định nữa. Bậc có mắt được mở ra đã nói về. Đã nói về: Là đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. "Đã nói về,9 là như thế. Bậc có mắt được mở ra: Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với năm loại mắt: Có mắt được mở ra với nhục nhãn, có mắt được mở ra với thiên nhãn, có mắt được mở ra với tuệ nhãn, có mắt được mở ra với Phật nhãn, và có mắt được mở ra với toàn nhãn. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là thế nào? ở nhục nhãn của đức The Tôn hiện hữu năm

màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummâ. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kanikāra. Hai bên đuôi mắt của đức The Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāritthaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhĩ. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần5 ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc toi tăm hội đủ bon yếu to có hình thức như the, Ngài cũng vẫn nhìn thây xung quanh một do-tuân. ơ nơi nào dâu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vân có thê nhặt lên chính hạt mè ây. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹf)đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uê hạnh vê khâu, có uế hạnh về y, vu không các bậc Thánh, theo tà kiên, tán

thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh vê thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].^, Như thế, bằng thiên nhãn thanh tinh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ5 xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới/ có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế gi&i, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thay mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên (tức tiểu thế giới), có thể nhìn thấy^nhị thiên (tức trung thế giới), có thể nhìn thấy tam thiên (tức đại thiên thế giới). Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tinh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra

với thiên nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ săc bén, có tuệ thâu suôt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ băng tuệ, bậc có trí đã được phát triên5 đã đạt đên tuệ phân tích, đã đạt được bôn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Su, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dần, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở? bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vi làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vi tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là Vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ9 là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an tru và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chinh đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản

2 Xem chú thích về ^Lokadhãtư' (Thế giới) ở trang 223. (ND) 3 Nhất thiên (tiểu thế giới), nhị thiên (trung thế giới), tam thiên (đai thiên thế giới): a/ l .000 lần (sahassī, nhāt thiển) thế giới (lokadhātu) là một tiểu thề giới (cūlanika lokadhātu). b/1.000,1n tiểu thế giới 1.000 x l .000 hay 1.000 lũy thừa hai (dvisahassī, nhỉ thiên) của thế giai là một trung thế giới (mcyjhimakā lokadhātu). , c/ Theo cách tính trên, 1.000 lũy thưa ba (tisahassī, tam thiên) của thế giới và nhiều ngàn lần hơn nữa thì được gọi là đại thiên thế giới. Và thế gian bao gồm kotisatasahassacakkavāla (10.000.000 x 100.000 vũ trụ) được nhìn thấy (NỉdA. II. 383). ở đây, nhị thiên, tam thiên, đại thiên nên được hiểu theo nghĩa lũy thừa, nghĩa là 1.000 lũy thừa hại, 1.000 lũy thừa ba, và 1.000 lũy thừa của các sổ lớn hơn 3, chứ không phải la hai ngàn, ba ngàn, nhiều ngàn như nghĩa thông thường.

thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vi công bố, vi tuyên thuyết, vi chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biêu hiện, đêu đi đên phạm vi ở trong tâm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu? hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lọi h không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp ... tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, ... về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là

chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập ệiới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liên đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chỉng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biêt và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập gi&i hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ay5 trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí khônệ vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các ph^R được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gan liền với sự chú tam, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bi vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiên được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dối Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyên vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn

cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la- môn? các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bau trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta ve tuệ5 những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự tri và trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn có mát được mở ra với tuệ nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bi vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời

sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hông, hoặc sen trăng được sanh ra ở trong nước, được phát triên ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tươiií như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.,, Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về

ĐẠI DIỄN GIẢI 297

đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân5 đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tót đẹp của chúng Tăng và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biêu hiện của vô thường, biêu hiện của khô, biêu hiện của vô ngã. 1. ^Giông như người đứng ở đỉnh của ngọn núi đá, cũnệ giông như người có the nhìn thay dân chủng ở xung quanh, tương tự như the ấy, bạch đang Khôn Ngoan, bạch đang Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bang giảo pháp, xỉn bậc đã xa lìa sau muộn hãy quan sát chủng sanh bỉ rơi vào sau muộn, bỉ ngự trị bởi sanh và già." Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn noi đen trí toàn giác. Đức The Ton đã tiên đen, đã tiên gân, đã đen gan, đã tiên vào, đã đạt đen, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác. 2. ^Đôỉ với Ngài, không có bát cứ điêu gi ở nơi đây là không được nhìn thay, không được nhận thức, hoặc không thế biết được. Điều nào có the biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn." Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là như vậy. "Bậc có mắt được mở ra đã nói về,9 là như thế. Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa. Pháp thực chứng: Pháp không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, đã được

chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. 'Tháp thực chứng" là như thế. Có sự loại trừ các hiểm họa. Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ơ miêng, bệnh ơ răng, ho, suyễn, so mũi, nhiệt, cam sót, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phoi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh t ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi

từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tông hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiên, các xúc chạm vơi ru6i, muôi, gio, năng va các loai bo sát, hoặc là như the; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân han", pháp che lấp udã dượi buồn ngủ9\ pháp che lấp "phóng dật va hối hận,\ pháp che lấp "hoài nghi", sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh ty, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bính, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê5 xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất láp. Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm,\ các hiểm họa bởi vì "noi ầy là chỗ trú." Các hiểm họa bởi vì "chúng áp ghế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi VI "chung áp chếnghía là như vậy. Các hiêm họa bởi vì "chúng đưa đên sự suy giảm" nghĩa là thê nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành dúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đoi với sự thực hành đưa đến lợi ích, đoi với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đoi với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đôi với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu táp về bốn chánh cần,... ve bốn nền tảng của thần thông,... về năm quyền,... ve năm lực,... về bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... về đạo lộ Thánh thiện tám chi phan, chúng đưa đen sự nguy hiểm, đen sự suy giảm đoi với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm,, nghĩa là như vậy. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ tru,, nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "c6 hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú^, thì ngụ ở nước, các sinh vật "c6 rừng là chỗ trú,, thì ngụ ở rừng, các sinh vật t6có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các

hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khmi, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, the nào là vi Tỳ-khiru có học trò, có thay

dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khiru, ở đây, đối với vị Tỳ- khưu? sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vi ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò9. Chúng chi phối vi ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thây dạy học\ Và thêm nữa, này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu5 sau khi nghe âm thanh bàng tai,... sau khi ngửi hương bằng mũi,... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... sau khi xúc chạm bằng thân,... sau khi nhận thức pháp bang ý5 các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đoi tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đên vị ây? các ác bát thiện pháp ây trú ngụ, chiếm ngự bên trong vi ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò\ Chúng chi phối vi ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học\ Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khxru có học trò, có thầy dạy học, sống kho sở không thoải m4i." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điêu nay đã được đức The Tôn noi đen: "Này các Tỳ-khmi9 có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khiru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khim? sân... (nt)... Này các Tỳ-khưu, si là vét nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong.^, 5 r 3. “Tham là sự sanh ra điêu không lợi ích, tham là sự roi loạn của tâm. Người đời không thâu hiêu sự nguy hiểm ây đã được sanh ra từ bên trong. 4. Người bỉ khởi tham khônệ biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thây ly lẽ. Tham không chê người nào, lúc ây có sự mù quảng tôi tăm hiện diện. 5. Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rổi loạn của tâm. Người đời không thau hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong. 6. Người bi nóng giận không biết được điều lợi ích, người bi nóng giận không nhìn thấy ly lẽ Sự nóng giận khổng chế người nào, lúc ẩy có sự mù quảng tối tăm hiện diện. 7. Sỉ là sự sanh ra điều không lợi ỉchf sỉ là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong, 8. Người bi si mê không biêt được điêu lợi ích, người bi si mê không nhìn thấy ly lẽ. Si khổng chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bơi vì điêu nay đã được đức The Ton noi đen: "Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đên sự bất lợi, sự khô đau, sự sống không thoải mái cho

con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phân; nó sanh lên đem đên sự bát lợi, sự khô đau, sự sông không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật... (nt)... Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được

sanh lên thuộc nội phân; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ dàu, sự sống không thoải mái cho con người.,, 9. “Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ỷ xấu xa, tựa như việc kết trải hãm hại cây tre." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: 10. í(Luyến ái, sân hân và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, tựa như những bẻ trai buông lơi con quạ [bỉ cột chân bởi sợi chỉ dài]." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Có sự loại trừ các hiểm họa: Sự loại trừ các hiểm họa là sự dứt bỏ các hiểm họa, sự vắng lặng các hiểm họa, sự buông bỏ các hiểm họa, sự tịch tịnh các hiểm họa, bất tử* Niết-bàn. 'Tháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm hqa" là như thế. Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành. Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn. "Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,, là như thế. Thưa Ngài Đại đức: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn. Hoặc là pháp nào mà Ngài đã nêu ra, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở5 đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày t6, mọi điều ấy là tốt đẹp, tốt lành, thiện, không bi chê trách, nên được thực hành. "Thua Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hanh” là như thế. về giới giải thoát và luôn cả về định nữa. về giới giải thoát: Giới là nền tảng, phần khởi dầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp.

ĐẠI DIỄN GIẢI 301

Và luôn cả vê đinh nữa: Là sự ôn định, sự đứng vững, sự kiên đinh, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm. “về giới giải thoát và luôn cả về định nữa" là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: y “BQc cỏ mát được mở ra đã nói vê Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiếm họa. Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành, Vê giới giải thoát và luôn cả vê định nữa. ‘‘

14.8. Không nên buông thả với đôi mắtf Nên che đậy lô tai đôi với chuyện làng xóm, Khôn^ nên thèm muốn ở các vi nếm, ' F \ \ \ r r Và không nên châp là của ta vê bát cứ thứ gì ở thê gian. Không nên buông thả với đôi mắt: Buông thả con mắt là thế nào? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mát, có trạng thái buôĩiệ thả ở mát [nghĩ rằiig]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", roi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ

thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bát định đê nhìn ngăm cảnh săc; buông thả con măt là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đên xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vi ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ. nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái. nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiên của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuông, nhìn xem hướng chính hướng phụ; buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thây cảnh săc băng mát, có sự năm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền kh6ng được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có the xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyên; buông thả con măt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giông như một sô Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trốnệ, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đau voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như the; buông thả con mắt còn là như vậy.

302 KINH TIỂU Bộ

Không buông thả con mắt là thế nào? ở đây, một vị Tỵ-khưu nào đó không buông thả con măt5 không có trạng thái buông thả ở mát [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đen ngôi làng khác, không từ thị trấn này đen thị tran khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không buông thả con mắt là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ? không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có the xâm nhập. Vị ấy thực hành sự thu thúc đối với việc ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn? sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa5 hát, dơn, vũ hội, nghe kể chuyện,... (nt).. xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Không nên buông thả voi đôi mắt: Nên dứt bỏ? nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở mắt. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái buông thả ở mắt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên buông thả với đôi mắt" là như thế. Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Chuyện làng xóm nói đến ba mươi hai việc nói chuyện phù phiếm, như là: Câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về trộm cướp, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về thức ăn, câu chuyện về thức uống, câu chuyện về vải vóc, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện ve thân quyến, câu chuyện ve làng xóm, câu chuyện ve thi tứ, câu chuyện ve phố phường, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện về đường xá, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại nói về hiện

r A \

trạng của thê giới, nói vê hiện trạng của đại dương, câu chuyện vê sự hiện hữu và không hiện hữu, hoặc là như thê. Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm, nên khống chế, nên ngăn chặn, nên bảo vệ, nên gìn giữ, nên đóng lại, nên cắt đứt. "Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,, là như thế. Không nên thèm muốn ờ các vi nếm. Vi nem: Vị cua re củ5 vị cua than cay, vị cua vo cay, vị cua la cay, vị cua hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chiu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vi nếm, họ lang thang đó đây tâm câu các vị nêm tuyệt vời băng đâu lưỡi. Có được vị chua, họ tâm câu vị không chua; có được vi không chua, họ tầm cầu vị chua. ... (nt)... có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vi nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vi nếm ấy và tiếp tục tầm cầu, họ bi luyến ái ở các vị nếm hợp y, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vi nào, tham ái này ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái." Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khối hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đen mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như the, vị Tỳ- khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải Nên dứt bỏ5 nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vi nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên thèm muốn ở các vị nếm^, là như thế. Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ờ thế gian. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham

ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên chấp mắt là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt; không nên chấp tai, mũi, lưỡi, thân, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi

một uân, cõi bôn uân, cõi năm uân, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức là của ta, không nên năm lây, không nên bám víu, không nên chap chặt. Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,...(nt)... ở thế gian của các xứ. "Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Không nên buông thả với đôi matf Nên che đậy lỗ tai đổi với chuyện làng xóm, r r Không nên thèm muôn ở các vị nêm 9 y f r r Và không nên chấp là của ta vê bát cứ thứ gỉ ở thê gian."

14.9. Khi nào bỉ xúc chạm bởi xúc [bất hạnh], Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn ve bất cứ điều gỉ, Không nên tham đam sự hiện hữu, Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm. Khi nào bi xúc chạm bỏi xúc [bất hạnh]. XÚC Xúc do bệnh. [Vi Tỳ-khưu] có thê bị xúc chạm, bị chê ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi xúc do bệnh; có thể bi xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt; bị xúc chạm, bị chế ngu, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở tai trong, do bệnh ở mũi, do bệnh ở lưỡi, do bệnh ở thân, do bệnh ở đầu, do bệnh ở lỗ tai, do bệnh ở miệng, do bệnh ở răng, do ho, do suyễn, do sổ mũi, do nhiệt, do cảm sốt, do đau bụng, do xây xẩm, do kiết ly, do đau bụng bão, do dịch tả? do phong cùi, do khối u, do bệnh chàm, do lao phổi, do động kinh, do mụt, do nhọt, do ghẻ ngứa, do sảy, do loét tay chân, do máu, do mật, do bệnh tiểu đường, do bệnh trĩ, do ghẻ lở5 do loét hậu môn, do bệnh phát khởi từ mật, do bệnh phát khởi từ đàm, do bệnh phát khởi từ gió, do bệnh tổng hợp từ mật-đàm-gió? do bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, do bệnh sanh lên vì bôn oai nghi không đông đêu, do bệnh thuộc dạng cáp tính, do bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do đại tiện, do tiểu tiện, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gi6, nắng và các loài bò sát. “Khi nào bi xúc chạm bởi xúc [bất hạnh]59 là như thế. Vi Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khỏi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể le, trạng thái nói kể lể. Bất cứ điều gì: Là ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gi, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Vj Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gi" là như thế. Không nên tham đắm sự hỉện hữu: Không nên tham muốn dục hữu, không nên tham muốn sắc hữu, không nên tham muốn vô sắc hữu, không nên khởi tham muốn, không nên tham đắm. "Không nên tham đắm sự hiện hữu" là như thế. r Và không nên rúng động vì các sự khiêp đảm. Sự khiếp đảm: Sự sợ hãi và sự khiếp đảm cũng y như nhau, với cùng một biểu hiện. Bởi vì, điều này đã được đức Thế Tôn đe cập đến: 'Thải chăng là điều này, là sự sợ hãi và khiếp đảm ấy đang đến?" Đối tượng bên ngoài đã được nói đến là: Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, ngựa, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp, hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Theo một kiểu cách khác, sự sợ hãi được nói đến là sự sợ hãi, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ có nguồn sanh khởi ở tâm, thuộc nội phần: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, sợ hãi do khổ cảnh; trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm. r r

Và không nên rúng dQng vì các sự khiêp đảm: Sau khi nhìn thây, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiêp đảm, thì không nên run rây, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ5 không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trôn chạy, [vị Tỳ-khiru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. "Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh], Vị Tỳ-khưu không nên the hiện sự than vãn ve bất cứ điều gỉ, Không nên tham đắm sự hiện hữu, Và không nên rủng động vì các sự khiếp đảm."

14.10. Đối với các thức ănf rồi đối với các thức uống, Đổi với các vật thực nhai, roi đoi với các loại vải vóc, Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ, Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng. Đối vơi các thức ăn, rồi đối vói các thức uống, đối vói các vật thực nhai, rồi đối vói các loại vải vóc. Đối với các thức ăn: Là cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Đối vói các thức uống: Có tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối kh6ng hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu. Còn có tám loại thức uông khác nữa: Nước trái kosamba, nước táo ta, nước táo, nước bơ lỏng, nước dầu ăn, nước sữa, nước cháo, nước rau cải. Đối với các vật thực nhai: Bột là vật thực nhai, bánh là vật thực nhai, rễ cây là vật thực nhai, vỏ cây là vật thực nhai, lá cây là vật thực nhai, bông hoa là vật thực nhai, trái cây là vật thực nhai. Đối với các loại vải vóc: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằnệ bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bo. "Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải v6c" là như thế. Sau khỉ nhận được, không

nên tạo ra sự cất giữ. Sau khi nhận được: Sau khi nhận được là sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do công việc xây dựng, không do thức ăn đổi thức ăn5 không do phát sanh bởi quà cáp; sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. "Sau khi nhận được" là như thế. Không nên tạo ra sự cất giữ: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự cất giữ thức ăn, sự cất ^iữ thức uống, sự cất giữ vải vóc, sự cất giữ xe thuyền, sự cất giữ chỗ nằm, sự cát giữ vật thơm, sự cát giữ tài vật. "Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ" là như thế. Và không nên hoảng sợ trong khỉ không nhận được chúng [nghĩ rằng:] "Tôi không đạt được thức ăn, tôi không đạt được thức uống, tôi không đạt được vải vóc, tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến,, thì không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có

tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳkhiru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ? có sự rởn lông đã được xa lìa. "Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng,^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Đôi với các thức ănf roi đôi với các thức uông, Đối với các vật thực nhai, roi đổi với các loại vải vóc, Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ, Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng." y

14.11. Nên là vị có thiên chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây], Nên xa lánh trạng thải hối hận, khôn^ nên xao lãng, Và ở những chô ngôi, ở những chô năm, ở những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khiru nên cư trủ. Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]. Có thiền chứng: Là có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứnẹ với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiển chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ5 có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có

thiền chứng với thiền đồng hành với khoái lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "C6 thiền chứng,, la như thế. Không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]: Buông thả bàn chân là thế nào? ở đây, một vi Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thi trấn này đến thi trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đên xứ sở khác, vị ây sông, đeo đuôi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vi Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lăng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lâu đài này đi đến tòa lâu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đen tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đen hang động khác, từ thạch thất này đến ứiạch thất khác, từ cóc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh

khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đen mái che khác, từ gốc cây này đi đen gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vi, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyên thuyên, việc nói nhảm nhí như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hãi hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uông, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyển, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về CIuốc độ, chuyện về đàn bà? chuyện về đàn ông, chuyện vê vị anh hùng, chuyện vê đường xá, chuyện tại chô lây nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vầy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy. Không nên buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên trú ngụ, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gan bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là nẹười gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gan bó với trạng thái đơn độc, chú trọng

mục đích của mình. "Nen là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó dây]" là như thế. Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng. Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hoi hận, vẻ bối roi ở bàn tay và bàn chân cũng là hoi hận, lam tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Việc nào có hình thức là sự hôi hận, biêu hiện hôi hận, trạng thái hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận. Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên dọ trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? [Nghĩ rằng:] 64Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu"sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về ý, ta

đã không làm thiện hạnh về ý\... (nt).."ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng"sự hối hận,... (nt)... sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã trộm cắp,..."ta đã tà hạnh trong các dục,... "ta đã nói doi,... "ta đã nói đâm thọc,... "ta đã nói thô lỗ5... "ta đã nói nhảm nhí,... "ta đã hành động tham đắm,... "ta đã hành động sân hận,... uta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiOn"sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên. Như vậy là sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là, [nghĩ rằng:] "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các gi&i", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta là người có các giác quan không được gìn giữ",... "ta là người không biêt chừng mực vê vật thực9\..; "ta không luyện tập về tỉnh thức",..."ta không đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ9\... ubốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập5\... "bốn chánh cần chưa được ta tu tập",... 6íbốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập,\... "năm quyền chưa được ta tu tập",...unăm lực chưa được ta tu tap",• "bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập,\... "dạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tap",..."kh6 chưa được ta biết toàn diên",... "táp chưa được ta dứt ."đạo chưa được ta tu tập^... "diệt chưa được ta chứng ngO", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên. Nên xa lánh trạng thái hối hận: Nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa trạng thái hối hận; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái hối hận; nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa, nên đi ra ngoài, nên rời nên thoát khỏi, không bi ràng buộc với trạng thái hối hận, nên sônệ với tâm đã được làm trò thành không còn giới hạn. "Nên xa lánh trạng thái hoi hận,, là như thế. Không nên xao lãng: Nên là người có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?^ Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự

dõng mãnh, sự không thoi chí, niệm, sự nhận biết rõ5 sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể lam đầy đủ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy dh?... (nt).."Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngO?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cân mân, sự quyêt tâm, sự chuyên cân, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

uNên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lâtag" là như thế. Và ờ những chỗ ngồi, ờ những chỗ nằm, ờ những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khưu nên cư trú. Và: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm dan, tấm da thú? thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ nằm: Nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. "Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,, là như thế. ở những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khưu nên cư trú: Nên thực hành, nên cư xử, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng ở các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. "Và ở những chỗ ngồi. ở những chỗ nằm. ở những nơi có ít tiếng động. vi Tỳ-khini nên cư trú,, là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: "Nên là vi có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây], Nên xa lảnh trạng thái hổi hận, không nên xao lãng, Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ơ những nơi có ít tiêng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú." 2 14.12. Không nên thực hiện nhiêu việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ han sự uể oải, xảo trả, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm. Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ: Sau khi phân chia đêm và ngày thành sáu phần, nên thức năm phần, nên nằm xuống một phần. uKhông nên thực hiện nhiều việc ngủ nghí" là như thế. Nên thân cân sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm: ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bang việc kinh hành, bằng việc nệồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở băng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi. Nên thân cận sự tỉnh thức: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên thực hiện sự tỉnh thức. "Nên thân cận sự tỉnh thức" là như thế. Có sự nhiệt tâm: Sự nhiệt tâm nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức,

Sự ráng sức, sự dõng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao

trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nhiệt tâm này, người ấy được gọi là có sự nhiệt tâm. "Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm" là như thế. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm. Sự uể oải: Sự uể oải, biểu hiện uể oải, trạng thái tâm uể oải, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng; điều này được gọi là sự uể oải. Xảo trá: Xảo trá nói đến hành vi tráo trở. ở đây một vi [Tỳ-khmi] nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa: [Vị ấy] ước muốn rằng: "Chớ ai biết về tôr\ suy tư rằng: "Chớ ai biết về t6i", nói lời rằng: "Chớ ai biết về t6i", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về t6i." Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trang thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá. Cười cợt: ở đây một vị [Tỳ-khưu] nào đó cười quá trớn, hở cả răng. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, điều này là việc làm trẻ con trong Luật của bậc Thánh, tức là việc cười quá trớn, hở cả răng?5 Đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Đùa giỡn vê thân và đùa giỡn vê khâu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xăc? họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ bằng tay, họ chơi trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là sự đùa giỡn về thân. Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống miệng, làm tiếng trốnệ daddarĩ bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn vê khẩu. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân lâng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc két hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bi khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói

chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi. Tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là phấp đôi lưa. Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ,

việc đấm bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập v6, gương soi, việc tô măt, vật tâm hoa thơm, phân thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sặc sỡ, khăn bịt dầu, ngọc ma-ni, cây phất trần, [quấn] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia. Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muôn, hành động tô diêm, trạng thái tô diêm đôi với các phân bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang diêm: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm châm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm luôn cả vật phụ tùng, luôn cả vật có liên quan, luôn cả vật dụng. "Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm" là như thế. v Tỵ ai Ắ m rp-l Á rqp A w Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: y "'Không nên thực hiện nhiêu việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ han sự uê oải, xảo trả, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm."

14.13. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tỉnh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoản tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật ở thành pho bi bao vây hoặc ở cuộc chiến đang diễn ra, họ làm sanh lên tai họa, họ làm sanh lên bất hạnh, họ làm sanh lên bệnh tật, họ gây ra dịch sốt, họ gây ra dịch cương thi, họ gây ra bệnh dịch tả, họ gây ra bệnh kiết lỵ ở đội quân đối địch, ở những kẻ đối nghịch, ở những kẻ thù địch; các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật là như vậy. Những người giải mộng giải thích vê giác mơ: "Người mơ vào buôi sáng thì

kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi trưa thì kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi tối thì kết quả là như vầy. Người mơ vào canh đầu... Người mơ vào canh giữa... Người mơ vào canh cuối... Người mơ lúc nằm nghiêng bên phải... Người mơ lúc nằm nghiêng bên trái... Người mơ lúc nằm ngửa... Người mơ lúc nằm sấp... Người mơ thấy mặt trăng, người mơ thấy mặt trời, người mơ thấy đại dương, người mơ thấy núi chúa Sineru, người mơ thấy voi, người mơ thấy ngựa, người mơ thấy cỗ xe, người mơ thấy người lính, người mơ thấy đoàn quân, người mơ thấy khu vườn đáng yêu, người mơ thấy cánh rừng đáng yêu, người mơ thấy vùng đất đáng yêu, người mơ thấy hồ nước đáng yêu thì kết quả là như vy"; những người giải mộng giải thích về giấc mơ là như vậy. Những người xem tướng giải thích về tướng mạo: "Tướng của ngọc ma-ni, tướng của cây gậy, tướng của vải vóc, tướng của thanh gươm, tướng của mũi tên, tướng của cây cung, tướng của vũ khí, tướng của đàn bà, tướng của đàn ông, tướng của thiếu nữ, tướng của thiếu niên, tướng của tớ gái, tướng của tôi trai, tướng của voi, tướng của ngựa, tướng của trâu, tướng của bò mộng, tướng của bò đực, tướng của dê, tướng của

cừu, tướng của gà, tướng của chim cút9 tướng của kỳ đà, tướng của bông tai, tướng của rùa, tướng của nai, hoặc là như thế" những người xem tướng giải thích ve tướng mạo là như vậy. Những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú: "C6 hai mươi tám thời điểm tốt (tính theo thời diêm xuất hiện của các vì tinh tú). Nên tiên hành việc nhập gia vào thời điểm tốt này, nên gắn đồ trang sức vào thời điểm tốt này, nên làm lễ cưới vào thời điểm tốt này, nên gieo hạt giống vào thời điểm tốt này, nên đi đến sống chung vào thời điểm tốt này"; những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú là như vậy. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tỉnh: Không nên luyện tập, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên duy trì, không nên tiếp nhận, không nên ứng dụng. "Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh" là như thế. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc • chữa bệnh. • thụ• thai và việc Tiếng thú kêu: Nói đến tiếng kêu của loài thu. Các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú: Họ biết tiếng kêu, tiếng gọi của các loài chim hoặc của các loài bốn chân; các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú là như thế. Việc thụ thai: Những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai. Bào thai không thành lập bởi hai lý do: Bởi các vi sinh vật hoặc bởi các sự rối loạn của gió. Họ cho thuốc để diệt trừ các vi sinh vật hoặc các sự rối loạn của gió; những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai là như vậy.

Việc chữa bệnh: Có năm cách chữa bệnh: Thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em. Người đệ tử thành tín: Là người đệ tử thành tín với đức Phật, người đệ tử thành tín với Giáo pháp, người đệ tử thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn, hoặc đức Thế Tôn thừa nhận con người ấy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khiru, những vi Tỳ-khưu nào là gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khưu5 đối với Ta, các vi Tỳ-khiru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; các vi Tỳ-khxxu ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào là không gạt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vi Tỳ-khưu ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. 1. Những kẻ gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giảo pháp đã được đấng Chánh Đang Giác chỉ bảo. L y 2. Các vỉ không gạt gâm, không nói nhiêu, sáng trí, không ương ngạnh, khéo đinh tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đang Chánh Đắng Giác thuyết giảng." Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh: Người đệ tử thành tín không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kề cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng việc giải

đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên tiếp thu, không nên tiếp nhận, không nên suy xét, không nên ứng dụng. "Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bênh" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thủ kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh."

14.14. Không nên chấn động vì sự chê bai, vỉ Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. Không nên chấn động vì sự chê bai: ở dây, một số người nào đó chê bai vị Tỳ-khun: Họ chê bai, chê trách, gièm pha về xuất thân, về dòng dối, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về

kiên thức, vê sự học hỏi, vê tài biện giải, hoặc vê sự việc này khác. Khi bi chê bai, bị chê trách, bị gièm pha, [vị ấy] không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ5 không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự gièm pha, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. "Không nên chấn động vì sự chê bai" là như thế. Vi Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh: ở đây, một số người nào đó ca ngợi vị Tỳ-khưu: Họ ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, ve cong việc, ve tai nghẹ, ve kiên thức, ve sự học hoi, ve tai biện giai, hoặc ve sự việc này khác. Khi được ca ngợi, được khen ngợi, được tán dương, được ca tụng, do sự ca ngợi, do sự khen ngợi, do sự nổi tiếng, do sự ca tụng, [vị ấy] không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, do điều ấy không nên sanh ra ngã mạn, do điều ấy không nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hnh" là như thế. Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. Sự tham lam: Sự tham lam, biêu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự bon xẻn: Có năm loại bon xẻn: Bon xẻn về chỗ (nt).. sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. Sự giận dữ: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của y, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm. Việc nói đâm thọc: ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nham chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa

thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào?

316 KINH TIỂU Bỏ

[Nghĩ răng:] "Ta sẽ được người này yêu mên, ta sẽ được quý mên, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phhc"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?^, Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc: Nên đuổi đi, nên xua đuổi, nên dứt bỏ, nên xua đi5 nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự tham lam, sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. "Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thQC" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên chân động vì sự chê bai, vị Tỳ-khim khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuối sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thqc."

14.15. Không nên tham dự việc mua bán, Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào, Và không nên bỉ ràng buộc vào làng xóm, Không nên tỉ tê với người [thê tục] vì mong muôn lợi lộc. Không nên tham dự việc mua bán: Các việc mua bán là bị cấm đoán ở Luật, các việc ấy không được ám chỉ đến trong ý nghĩa này. Thế nào là tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đôi bình bát, y, hoặc bát cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo]4 trong khi thực hiện sự tráo trở hoặc mong muốn lợi nhuận; tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Thế nào là không tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo] trong khi không thực hiện sự tráo trở hoặc không mong muốn lợi nhuận; không tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Không nên tham dự việc mua bán: Không nên tham dự, không nên tham gia việc mua bán; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc mua bán; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc mua bán, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên tham dự việc mua bán,, là như thế.

4 Năm hạng người đồng đạo: Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni, nữ tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni (NỉdA. II. 418).

ĐẠI DIỄN GIẢI 317

Vi Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ờ bất cứ noi nào: Các ô nhiễm gây nên sự chê trách là các ô nhiễm nào? Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có thần lực, có thiên nhãn, biết được tâm người khác. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Các vị thiên nhân cũng có thần

lực, có thiên nhãn. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Họ có thể chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế. ô nhiễm thô thiển là các ô nhiêm nào? Uê hạnh vê thân, uê hạnh vê khâu, uê hạnh vê ý; các điêu này được gọi là ô nhiễm thô thiển, ô nhiễm trung bình là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về dục, suy tư ve sân hận, suy tư ve hãm hại; các điều này được gọi là ô nhiễm trung bình, ô nhiễm vi tế là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về thân quyến, suy tư vê xứ sở, suy tư vê việc [hành xác đê được] bát tử, suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, suy tư liên quan đen lợi lộc5 sự trọng vọng và sự nổi tiếng, suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ; các điều này được gọi là ô nhiễm vi tê. Không nên chê trách, không nên thực hiện việc chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế ấy; không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm cham dứt, nên làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với các ô nhiễm gây nên sự chê trách, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. ở bất cứ nơi nào: ở bất cứ đâu, về bất cư điều gì5 ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào" là như thế. Và không nên bi ràng buộc vào làng xóm: Dính mắc vào làng xóm là thế nào? ở đây, vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc can phải làm. Dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khiru vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân không được hộ trì, với khẩu không được hộ tri, với tâm không được hộ trì, với niệm không được thiết lập, với các giác quan không được thu thúc. Vị ấy dính mắc vào chỗ này chỗ khác, nắm lấy cảnh này cảnh khác, bị trói buộc vào nơi này nơi khác, đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Dính mắc vào làng xóm còn là như vậy. Không dính mắc vào làng xóm là thế nào? ở đây, vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Không dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy

bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Vị ấy không dính mắc vào chỗ này chỗ khác, không nắm lấy cảnh này cảnh khác, không bị trói buộc vào nơi này nơi khác, không đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Không dính mắc vào làng xóm còn là như vậy. Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Không nên dính mắc, không nên nắm lấy, không nên bi trói buộc, không nên bi giữ lại ở làng xóm; nên là người không thèm khát, khống bị buộc trói, không bi mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã

được tách lia, có sự thèm khát đã được từ bỏ,... (nt)... nên sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Và không nên bị ràng buộc vào làng x6m” là như thế. Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Việc tỉ tê là việc nào? Là nói lơi chào đón, nói lời tỉ tê, nói lời tỉ tê khôn khéo, nói lời tâng bốc, nói lời tâng bốc khôn khéo, nói lời ràng buộc, nói lời ràng buộc khôn khéo, nói lời khoa trương, nói lời khoa trương khôn khéo, nói lời đường mật? nói lời nịnh hót, nói lời ngon ngọt, nói lời bợ đồ, nói lời đâm thọc đối với những người khác của kẻ nương tựa vào lợi lộc, vào sự trọng vọng, và sự nổi tiếng của kẻ có ước muốn xấu xa, của kẻ bi thúc đẩy bởi ước muốn, của kẻ xem trọng tài vật, của kẻ chú trọng về pháp thế gian đối với những người khác. Việc nói lời mềm mỏng, nói lời diu dàng, nói lời dễ dãi, nói lời không thô lỗ trong trường hợp ấy được gọi là tỉ tê. Thêm nữa, kẻ nói tỉ tê với ngươi [thế tục] bởi vì hai lý do: Hoặc là nói tỉ tê với người [thế tục] bằnệ cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác, hoặc là nói tỉ tê với người [thê tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác. Nói tỉ tê với người [thê tục] băng cách hạ tháp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương tựa vào các người tôi có được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ đê bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên gọi trước đây của mẹ cha đặt, tên ây của tôi cũng đã không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ9 là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia." Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là như vậy. Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là thế nào? "Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Sau khi đến với tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ Tăng chúng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật không được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dôi, đã tránh xa trường hợp dê đuôi uông chát say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi

nói vê ngày trai giới, tôi chú nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các vi lại bỏ rơi tôi, các vị trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác.,, Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là như vậy. Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, không nên tỉ tê với người [thế tục]; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc tỉ tê; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc tỉ tê, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc,9 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: iKhong nên tham dự việc mua bản, Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào, Và không nên bi ràng buộc vào làng xóm, Không nên tỉ tê với người [thê tục] vì mong muôn lợi lộc."

14.16. Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang, Và không nên nói lời nói ảm chỉ [liên quan bon món vật dụng], Không nên học tập loi cư xử xấc xược, Không nên nói ra ngôn từ đưa đen sự cãi vã. Và vi Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang: ở đây, một vị [Tỳ- khiru] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương. Vi ấy khoe khoang, phô trương rằng: "Toi thành tựu về giói", hoặc "t6i thành tựu về phận sự5\ hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, vê con nhà gia thê, vê vẻ đẹp của làn da, vê tài sản, vê học vân, vê công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi? về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "T6i xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cảr\ hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý gia", hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "t6i là vị trì Luậf\ hoặc "tôi là vị thuyết pháp", hoặc "tôi là vi ngụ ở rừng",...nt..• hoặc utôi đạt sự the nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Không nên khoe khoang, khônệ nên phô trương như vậy; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm cham dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu việc khoe khoang; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với sự khoe khoang, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. uVà vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang" là như thế. Và không nên nói lòi nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Việc nói ám chỉ là việc nao? ở đây, một vi [Tỳ-khiru] nào đó nói lời nói ám chỉ về y, nói lời nói ám chỉ về đồ ăn khất thực, nói lời nói ám chỉ về chỗ nằm ngồi, nói lời nói

ám chỉ về vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân đồ ăn khất thực, vì nguyên nhân chỗ năm ngôi, vì nguyên nhân vật dụng là thuôc men chữa bệnh, [vị áy] nói sự thật, nói điều dối trá, nói đâm thọc, nói không đâm thọc, nói thô lỗ, nói không thô lỗ, nói nhảm nhí, nói không nhảm nhí, nói lời khôn khéo; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vị có tâm tịnh tín chỉ bảo giáo pháp cho những người khác rằng: "O, quả thật họ nên lắng nghe giáo pháp của ta, sau khi lắng nghe họ nên tịnh tín vào giáo pháp, và họ nên bày tỏ biểu hiện của người đã được tịnh tín ở ta"; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Thậm chí ở lời chỉ bảo giáo pháp, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả lời nói ám chỉ; nên dứt bỏ9 nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lời nói ám chỉ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lời nói ám chi, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]^ là như thế. Không nên học tập lối cư xử xấc xược. Sự xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược băng thân, xác xược băng khâu, xấc xược bằng ý. Xấc xược bằng thân là việc nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược băng thân khi đi đên nhà tăm hơi, thê hiện sự xác xược băng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng? ở dây, một vị [Tỳ-khưu]

nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vi ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vây cánh tay khi nói. Như vậy là thê hiện sự xác xược băng thân khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể? ở đây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Đối với các vị Tỳ- khưu trưởng lão, [vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các ngài đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm dầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể.

ĐẠI DIỄN GIẢI 321

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thai độ vô lễ khi đi đến nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi? ở đây5 một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà tắm hơi: Đối výi các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đụn^ chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngôi ở phía trước, ngôi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đì đến bến nước? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến bến nước: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, J vị ấy] đụng chạm khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tăm, tăm ở phía trước, tăm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là the hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khxru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua rồi đi ở phía trước các vị Tỳ-khmi trưởng lão. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rang: "Thua ngài, xin chớ đi vào,, vẫn đi vào; tronẹ khi được nói rằng: "Thím ngài, xin chớ dưng" vẫn đứng; trong khi được nói rang: "Thua ngài, xin chớ ngồi,? vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngôi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bang thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bang thân. Xấc xược bằng khẩu là việc nào? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằn^ khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc

xược bằng khẩu khi đi đến tập thê, thể hiện sự xác xược băng khâu khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? ở dây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vi ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bổn (Patimokkho), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? ở dây, một

vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khưu đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vi Tỳ-khưu-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? ở dây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vầy: "Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không, có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không, chúng tôi sẽ uống gi, chúng tôi sẽ ăn gì, chung tôi sẽ nhai gi?" Hoặc là nói lải nhải: "C6 vật gì không?59 Hoặc: "C6 sẽ bố thí cái gi?" Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng khẩu. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng ý? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vi xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia kh6ng phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giông như vị xuât gia từ gia tộc có nhiều của cải, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá..., trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật..., trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp..., trong khi không phải là vị ngụ ở rừng..., trong khi không phải là vị chuyên đi khất thực..., trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ..., trong khi không phải là vi chỉ sử dụng ba y...trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà..., trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau..., trong khi không phải là vi chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)...trong khi không phải là vi ngụ ở chỗ đã được chỉ định..., trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền..(nt)... trong khi khônẹ phải là vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giông như vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là sự xấc xược bằng ý. Không nên học tập lối cư xử xấc xược: Không nên học tập, không nên thực hành, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng lối cư xử xấc xược; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lôi cư xử xác xược; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với lối cư xử xấc xược, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên học tập lối cư xử xấc xugc" là như thế. Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Ngôn từ

đưa đến sự cãi vã là loại nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là người nói ngôn từ có hình thức

như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,..(nt).. hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng.^, Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Moggallâna, khi có ngôn từ đưa đến sự cãi vã, việc nhiều lời là điều mong đợi. Khi có nhiều lời, Jsẽ có] sự phóng dật, đối với người bị phóng dật [sẽ có] sự không thu thúc, đôi với người không thu thúc, tâm [sẽ] xa lìa định.55 Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả ngôn tư đưa đến sự cãi vã; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với ngôn từ đưa đến sự cãi vã, nên song với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vâT là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: "Và vi Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang, Và không nên nói lời nói ảm chỉr [liên quan bon món vật dụng], Không nên học tập lôi cư xử xác xược, Không nên nói ra ngôn từ đưa đen sự cãi vã.

14.17. Không nên bi lôi kẻo vào việc nói lời dối trả, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, vê giới và phận sự. Không nên bi lôi kéo vào việc nói lời dối trá. Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó đi đến cuộc hội họp hoặc đi đến tập thể... (nt)... vì nguyên nhân về chút ít vật chất đã cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời doi trá. Thêm nữa, với ba biểu hiện này thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra^, đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i"; việc nói dối được hình thành với ba biểu hiện này. Thêm nữa, với bon biểu hiên,... (nt)... với năm biêu hiện,..(nt)... với sáu biêu hiện,... (nt)... với bảy biêu hiện,..(nt)... với tám biểu hiện thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ỷ rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rang]: "Ta đang nói điều doi trú", đã nói xong [biết rằng]: uĐiều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giau điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giau ý tưởng, đã che giâu sự việc; việc nói dôi được hình thành với tám biêu hiện này. Không nên bi lôi kéo vào việc nói lòi dối trá: Không nên bi đưa di, không nên bị dẫn di, không nên bị lôi di, không nên bị mang đi trong việc nói lời doi trá; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá” là như thế. Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sự lừa gạt là việc nào? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó là lừa gạt, lừa dối. ở người ấy có sự lừa gạt, biểu hiện lừa gạt, trạng thái lừa gạt, biểu hiện thô tháo, trạng

thái thô tháo, biểu hiện gian dối, trạng thái gian dối; điều này gọi là sự lừa gạt. Không nên cô tình thực hiện các sự lừa gạt: Sau khi có sự cô tình, [sau khi có sự nhận biết mình] không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên lảm phát sanh ra sự lừa gạt; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự lừa gạt; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự lừa gạt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt" là như thế. Và không nên khinh khi người khác vê sự sinh sông, vê sự nhận thức, về giới và phận sự. Và: Từ "atha" này là sự nối liền các câu văn..(iit).. tính chất tuần tự của các câu văn. ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống khốn khó, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang rằng: "Tại sao người này lại có cuộc sống đầy đủ, thọ thực mọi thứ như là: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm, với hàm răng búa tạ như quầnẹ sáng của tia chớp mà còn có danh xưng là Sa-môn?59 Vị ấy, do cuộc sông khôn khó ây? khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống cao sang, khinh khi vi khác đang sống cuộc sốnệ khốn khó rằng: "Tại sao người này lại ít phước, ít kẻ hộ độ, không có lợi lộc vê y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh?" Vị ấy, do cuộc sống cao sang ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về tuệ. Vị ấy trả lời câu hỏi khi được chất vấn. Vị ấy suy nghĩ như vầy: “Ta được thành tựu về tuệ, còn những vị khác không được thành tựu về tixệy Vị ấy, do sự thành tựu về tuệ ấy, khinh khi vị khác, ở đây, một vị [Tỳ- khưu] nào đó được thành tựu vê giới, sông thu thúc với sự thu thúc của Giới bôn (Pãtỉmokkhă). thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta được thành tựu về giới, còn những vị Tỳ-khxru khác có giới tồi, có ác pháp.” Vị ấy, do sự thành tựu về giới ấy, khinh khi vị khác. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về phận sự: Là vị ngụ ở rừng, hoặc là vị ngụ ở gốc cây, hoặc là vi chuyên đi khất thực, hoặc là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ? hoặc là vị chỉ sử dụng ba y, hoặc là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, hoặc là vi không ăn vật thực dâng sau, hoặc là vị chuyên ve oai nghi ngồi (không nằm), là vị ở chỗ đã được chỉ đinh. Vị ấy suy nghĩ như vầy: “Ta được thành tựu về phận sự, còn những vị khác không thành tựu về phận sự.^, Vị ấy, do sự thành tựu về phận sự ấy, khinh khi vị khác.

ĐẠI DIỄN GIẢI 325

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sư: Do cuộc sống khốn khó, hoặc do cuộc sống cao sang, hoặc do sự thành tựu vê tuệ, hoặc do sự thành tựu vê giới, hoặc do sự thành tựu về phận sự, không nên khinh khi, không nên khi dễ người khác; không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. "Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên bi lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận

thức, ve giới và phận sựy A

14.18. Bỉ bôi nhọ sau khỉ nghe nhiêu lời nói Của các vị Sa-mônf của những kẻ phàm phu, Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ, Bởi vì các bậc an tinh không the hiện sự phản kháng. Bi bôi nhọ sau khi nghe nhiêu lời nói của các vi Sa-môn9 của những kẻ phàm phu. Bi bôi nhọ: Bị bôi nhọ là bị mắng nhiếc, bị đụng chạm, bi khinh bỉ, bị chê trách, bị gièm pha. Các vi Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du si, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Lời nói của những kẻ phàm phu: Các Sát-đê-lỵ9 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người; những người ấy sỉ vả, chê bai, gây khó chiu, gây bực minh, gây tổn hại, hãm hại, quây rối, ức hiếp, hủy hoại, phá hại, hoặc gây nên sự phá hại bằng nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến; sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến của những người ấy. bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu" là như thế. Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ. Một cách thô lỗ: Một cách thô lỗ là một cách thô bạo. Không nên đáp trả lại: Không nên nói lại, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả? không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ? không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện

hữu sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gô; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô 16" là như thế. Bởi vì các bậc an tinh không thể hiện sự phản kháng. Các bậc an tinh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa; trạng thái được tịch tịnh của sân hận, của si mê, của giận dữ, của thù hằn... (ní).. của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. uAn tmh,9 là như thế. Bởi vì các bậc an tinh không thể hiện sự phăn kháng: Các bậc an tinh không the hiện, không làm sanh ra, khônẹ làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự phản kháng, sự đoi kháng, sự gây gổ, sự chống báng. uBởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng,9 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Bbôi nhọ sau khỉ nghe nhiều lời nói Của các vi Sa-môнf của những kẻ phàm phu, Không nên đáp trả lại những kẻ ẩy một cách thô lỗf Bởi Vỉ các bậc an tinh không the hiện sự phản khảng."

14.19. Và sau khỉ hiểu thông giảo pháp này Trong khỉ suy gẫm, vị Tỷ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm, Sau khi biết được sự diệt tắt là "(m tinh ", Không nên xao lãng vê lời giảo huân của đức Gotama. Và sau khi hiểu thông giáo pháp này. Này: Là điều đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã

được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. uVà sau khi hiểu thông giáo pháp này99 là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là đúng đắn, là sai trái, là đúng đường lối, là sai đường lối, là có tội lỗi, là không có tội lỗi, là thấp kém, là cao quý, là đen, là trắng, là bi người hiểu biết chê trách, là được người hiểu biết khen nẹợi. "Và sau khi hiểu thông giáo pháp này" còn là như vậy. Hoặc là, sau khi hiêu thông, sau khi biêt được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các

giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lậj)niệm, bốn chánh càn, bon nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. uVà sau khi hiểu thông giáo pháp ny" còn là như vậy. Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm. Trong khi suy gẫm: Là đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt. Đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thương”;...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.,, Tỳ-khưu9 trong khi suy gẫm" là như thế. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt).. ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt).. người ấy được gọi là có niệm. Nên học táp: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới^ học tập vê thăng tâm, học tập vê thăng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập vê thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt).. nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niêm" là như thế. Sau khỉ biết được sự diệt tắt là "an t]nh” Sau khi biết được sự diệt tắt của luyến ái là "an tịnh95, sau khi biết được sự diệt tắt của sân hận... của si mê... (nt)... của tát cả các pháp tạo tác bát thiện là "an tjnh", sau khi nhận biêt, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tjnh'" là như thế. Không nên xao lãng về lòi giáo huấn của đức Gotama: về lời giáo huấn của đức Gotama, về lời giáo huấn của đức Phật, về lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, về lời giáo huấn của đức Như Lai, về lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, về lời giáo huấn của bậc A-la-hán. Không nên xao lãng: Là nên có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể làm đầy đủ hoặc giới uẩn chưa được đầy đủ,...(Ịit).. hoặc định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ? Khi nào ta có thể biết toàn diện về kho chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt b6, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ

diệt chưa được chứng ng?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi rang: “Vét sau khi hiểu thông giáo pháp này, Trong khỉ suy gam, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm, Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tịnh Không nên xao lãng ve lời giáo huấn của đức Gotama. “

14.20. "Bỏi vì, vi ây là người chiên thăng, bậc không bị ngự tri, vỉ đã nhìn thay pháp thực chứng, không do nghe lời đon đãi. Chỉnh vì the, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kỉnh lễf nên học tập theo ở lời giáo huấn của m _ rril _ Ậ rrt Ả >> r m rT77 Ả FT1 - R-- 7 đức The Ton ây [đức The Ton nói vạy]. Bởi vì, vi ấy là người chiến thắng, bậc không bỉ ngự tri. Người chiến thắng: Người chiến thắng các sắc, người chiến thắng các thinh, người chiến thắng các hương, người chiến thắng các vi, người chiến thắng các xúc, người chiên thắng các pháp, không bị ngự trị bởi bất cứ ô nhiễm nào; vị đã ngự trị các ác bất thiện pháp hạ liệt ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai. "Bỏi vì, vị ây là người chiên thăng, bậc không bị ngự trị" là như thê. Vi đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lỉri đồn đãi. Pháp thực chứng: [Vị ấy] đã nhìn thấy, đã nhìn xem, đã nhận thấy, đã thấu triệt pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đon đãi, không do nghe nói như the, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm. đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn dâd” là như thế. Chính vì thế,... ờ lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy. Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy: ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy là ở lời ệiáo huấn của đức Gotama, ở lời giáo huấn của đức Phật, ở lời giáo huấn của đang Chiến Thắng, ở lời giáo huấn của đức Như Lai, ở lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, ở lời giáo huân của bậc A-la-hán. “Chính vi thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” là như thế. Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy]. Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Trong lúc kính lễ: Trong lúc đang kính lễ bằng thân, hoặc đang kính lễ bằng khẩu, hoặc đang kính lễ bằng tâm, hoặc đang kính lễ bằng hành động thuận theo đạo lý, hoặc đang kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hoặc đang thể hiện sự trọng vọng, đang thể hiện sự kính trọng, đang sùng bái, đang cúng dường, đang nể nang. Nên học tập theo: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về

thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên thực hành, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. Đức Thế Tôn: Là tò xưng hô với sự tôn kính.... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ? tức là “dức Thế T6n." "Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vay]" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Bởi Vỉ, vị ấy là người chiến thắnệf bậc không bỉ ngự tri, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đôn đãi. Chính vì thê, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính ỈẬ nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy " [đức Tne Ton nói vãyj. ĔÍDiễn giải kinh một cách nhanh chóng55 được đầy đủ - Phần thứ mười bốn.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.